

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HSST

Ngày: 03 - 10 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ni, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2017/HSST ngày 04/8/2017 đối với bị cáo:

Trần Thị Mái E (tên gọi khác M), sinh năm 1981; nơi sinh: AB.

Nơi cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; số CMND: 351446394; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; con ông Trần Văn L (chết) và bà Phạm Thị C; có chồng (đã ly hôn) và 04 con, lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 04 tháng tuổi; tiền sự: không; tiền án: 02 tiền án về tội cướp tài sản, theo bản án số 40/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh AB-xử phạt 18 năm tù và Bản án số 16/2017/HSST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang-xử phạt 07 năm 06 tháng tù; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến 11/4/2017 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bị hại: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 8/4, tổ 4, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Trần Thị Mái E bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 28/8/2016, Trần Thị Mái E và Đỗ Văn H cùng chơi đánh bạc tại Casino Vegas H (nước Campuchia) rồi quen biết nhau. Đến khoảng 14 giờ ngày 29/8/2016 H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60C-15561 (hiệu Camry 4 chỗ ngồi), chở Trần Thị Mái E đến quán cà phê N thuộc khu phố B, phường T, thị xã P, Mái E gọi hai ly nước rau má sữa để uống. Trong lúc uống nước Mái E thấy H đeo nhiều đồ trang sức nên nảy sinh ý định dùng thuốc ngủ cho H uống để chiếm đoạt tài sản.

Để thực hiện ý định Mái E lấy ba viên thuốc ngủ đã tán nhuyễn để sẵn trong giỏ xách và lợi dụng lúc H đang sử dụng điện thoại nhắn tin, không cảnh giác Mái E bỏ vào ly nước H đang uống, một lúc sau thì H ngủ thiếp đi. Mái E lấy đi một sợi dây chuyền vàng 18k, có mặt hình tượng Phật bằng vàng 18k; một vòng đeo tay (lắc tay) vàng 18k; một chiếc nhẫn trơn vàng 24k; một điện thoại hiệu Iphone 6S plus màu hồng của H bỏ vào túi áo rồi nhanh chóng rời khỏi hiện trường, đón xe khách về hướng cầu T thuộc huyện H rồi điện thoại cho Nguyễn Văn T đến chở về nhà tại C, An Giang. Đến ngày 30/8/2016, Mái E đưa toàn bộ số tài sản chiếm đoạt của H sang Campuchia (giáp tỉnh AB) cầm cho một người phụ nữ tên L (không rõ địa chỉ) thu được 50.000.000 đồng đánh bạc thua hết.

H sau khi uống thuốc ngủ được mọi người đưa vào Bệnh viện P cấp cứu, chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh K và Bệnh viện B rồi lên Bệnh viện C tại Thành phố Hồ Chí Minh điều trị. Đến ngày 09/11/2016 H làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an thị xã Hà Tiên.

Tại kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐ ngày 18/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự-UBND thị xã Hà Tiên kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18k, kiểu hình trụ chữ nhật, trọng lượng 22 chỉ giá 42.460.000 đồng; 01 mặt dây chuyền hình tượng phật bằng vàng 18k, trọng lượng 05 chỉ giá 9.650.000 đồng; 01 vòng đeo tay bằng vàng 18k, kiểu khoen lật, trọng lượng 19 chỉ giá 36.670.000 đồng; 01 nhẫn trơn bằng vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ giá 32.400.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu hồng giá 10.300.000 đồng. Tổng trị giá 131.480.000 đồng. Ngoài ra, H còn khai bị cáo Mái E chiếm đoạt thêm 01 nhẫn hột soàn vàng ý có giá 8.530 USD và tiền Việt Nam khoảng 400.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Văn H yêu cầu bị cáo Trần Thị Mái E bồi thường toàn bộ số tài sản bị chiếm đoạt nói trên.

Tại bản Cáo trạng số 20/CTr-VKS ngày 04/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; Truy tố Trần Thị Mái E về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, e khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tiếp tục giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng d, e khoản 2 Điều 133, Điều 33 và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Mái E mức án từ 08 (Tám) năm đến 08 năm (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt của hai bản án đã có hiệu lực pháp luật và buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo bồi thường toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại Đỗ Văn H theo kết luận định giá là 131.480.000 đồng ; buộc bị cáo chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thị Mái E không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Trần Thị Mái E có lời nói cuối cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ vì hiện nay bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra - Công an thị xã Hà Tiên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét thấy bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng do bị cáo từ chối nhờ trợ giúp viên pháp lý và yêu cầu Tòa án xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

[3] Việc bị cáo dùng thuốc ngủ gây mê bị hại Đỗ Văn H cần được giám định pháp y về tình trạng sức khỏe theo quy định của pháp luật, nhưng do H không hợp tác từ giai đoạn điều tra, truy tố và tham gia xét xử nên không thể tiến hành giám định được theo luật định. Tuy nhiên, việc xét xử bị cáo theo điểm d, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo Trần Thị Mái E hoàn toàn nhận thức được hành vi dùng thuốc ngủ để cho bị hại H uống sẽ gây mê, bất tỉnh đối với bị hại H và không thể chống cự lại được, dễ dàng cho bị cáo chiếm đoạt tài sản; phù hợp với các biên bản hỏi cung bị

cáo tại Cơ quan Điều tra (Bút lục số 41,42,43 và 44).

Theo Điều 133 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Tái phạm nguy hiểm;
- d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;
- đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%;
- e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

Như vậy, bị cáo Trần Thị Mái E có hành vi cố ý dùng thuốc ngủ để gây mê là dùng thủ đoạn nguy hiểm đối với bị hại Đỗ Văn H và tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá 131.480.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị Mái E hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình; phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Theo Kiểm sát viên luận tội và đề nghị áp dụng mức hình phạt và xử lý các vấn đề liên quan đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng chính sách pháp luật.

[6] Xét về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo Trần Thị Mái E vi phạm tình tiết định khung hình phạt nên phải xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Trần Thị Mái E thực hiện hành vi rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội; bị nhiều Tòa án xét xử kết án về tội cướp tài sản và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo nghiêm minh; cách ly ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo

dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội; khi mãn hạn tù trở về từ bỏ con đường phạm tội. Mặt khác, xét thấy bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo kết luận của Kiểm sát viên và pháp luật hình sự để cân nhắc hình phạt tù đối với bị cáo khi lượng hình.

[8] Xét về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 133 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy bị cáo có khó khăn; không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với số tài sản bị hại cho rằng bị cáo chiếm đoạt, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; đồng thời, bị cáo không thừa nhận có việc chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự và dân sự đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Đỗ Văn H tổng số tiền là 131.480.000 đồng.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Mái E (tên gọi khác: M) phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 133; Điều 33, Điều 51 và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trần Thị Mái E 08 (Tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 18 (Mười tám) năm tù của bản án số 40/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh AB và hình phạt 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù của bản án số 16/2017/HSST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang; buộc bị cáo Trần Thị Mái E phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 30 (Ba mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành hình phạt tù; được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 11/4/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Trần Thị Mái E phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Đỗ Văn H tổng số tiền là 131.480.000 đồng (Một trăm ba mươi

một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.574.000 đồng; tổng cộng là 6.774.000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang (Phòng HS);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thị xã Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TX Hà Tiên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân